

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ  
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 27

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Ủy viên
Ông Triệu Hồng Tuyển	Ủy viên
Ông Phan Tiến Sơn	Ủy viên
Bà Lương Thị Nhung	Ủy viên

#### Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Nhất	Giám đốc
Ông Triệu Hồng Tuyển	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2012)
Ông Phan Tiến Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thái	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đức Nhất  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Số: 909 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 27. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

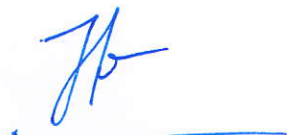
### Ý kiến

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, lỗ của Công ty trong năm 2012 khoảng 35,3 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 khoảng 71,7 tỷ đồng, công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 78 tỷ đồng và luồng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh âm khoảng 6,6 tỷ đồng; Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của mình, Ban Giám đốc Công ty đã có kế hoạch tái cấu trúc vốn thông qua thanh lý một số tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn, chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính dài hạn (là các khoản góp vốn vào các công ty cổ phần), đồng thời tái cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý để cắt giảm chi phí hoạt động. Tuy nhiên, thực tế tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2012 cho thấy tính khả thi của các kế hoạch này không cao, các tài sản có giá trị lớn không tìm được đối tác để chuyển nhượng, các ngân hàng không cho vay, cổ đông lớn của Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex không tiếp tục hỗ trợ tài chính để Công ty có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn và Công ty không có kế hoạch nào có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Do ảnh hưởng trọng yếu của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có cơ sở để xác định việc Ban Giám đốc Công ty giả định Công ty tiếp tục hoạt động trong tương lai gần, tối thiểu trong 12 tháng, tới là phù hợp, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 27 tháng 3 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

  
**Vũ Mai Hương**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0897/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>160.026.417.465</b>	<b>191.690.698.043</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.879.737.545</b>	<b>2.748.413.432</b>
1. Tiền	111		2.879.737.545	2.748.413.432
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>51.867.059.139</b>	<b>43.437.129.512</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	43.604.549.842	30.535.826.028
2. Trả trước cho người bán	132		8.661.758.795	11.731.850.658
3. Các khoản phải thu khác	135		3.400.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.799.249.498)	(1.830.547.174)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>100.070.167.722</b>	<b>137.504.033.029</b>
1. Hàng tồn kho	141		100.070.167.722	137.504.033.029
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.209.453.059</b>	<b>8.001.122.070</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.690.503.323	5.560.759.988
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		975.044	975.044
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.517.974.692	2.439.387.038
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>60.229.329.748</b>	<b>63.441.636.866</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>56.363.228.512</b>	<b>61.990.101.596</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	56.363.228.512	61.990.101.596
- Nguyên giá	222		81.557.982.597	89.313.806.374
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.194.754.085)	(27.323.704.778)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>109.908.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	9	175.000.000	576.500.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	9	(175.000.000)	(466.592.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.866.101.236</b>	<b>1.341.627.270</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.636.634.236	1.112.160.270
2. Tài sản dài hạn khác	268		229.467.000	229.467.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>220.255.747.213</b>	<b>255.132.334.909</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>241.801.752.506</b>	<b>241.338.771.411</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>238.021.921.919</b>	<b>233.780.522.817</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	70.667.712.007	64.676.853.264
2. Phải trả người bán	312	11	54.760.474.088	63.444.688.612
3. Người mua trả tiền trước	313	12	81.591.056.672	80.535.801.069
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	905.385.720	653.719.714
5. Phải trả người lao động	315		3.615.656.270	2.968.974.136
6. Chi phí phải trả	316		11.610.590.945	14.977.824.728
7. Phải trả nội bộ	317		-	43.750.000
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	14.039.483.258	5.647.348.335
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		831.562.959	831.562.959
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.779.830.587</b>	<b>7.558.248.594</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	3.779.830.587	7.045.470.444
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	512.778.150
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>(27.528.181.721)</b>	<b>7.852.862.658</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>(27.528.181.721)</b>	<b>7.852.862.658</b>
1. Vốn điều lệ	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.405.920.000	1.405.920.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.267.387.398	2.267.387.398
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		516.941.550	516.941.550
5. (Lỗ) lũy kế	420		(71.718.430.669)	(36.337.386.290)
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>17</b>	<b>5.982.176.428</b>	<b>5.940.700.840</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>220.255.747.213</b>	<b>255.132.334.909</b>

Đoàn Thị Minh Nga  
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Hữu Long  
Phụ trách Kế toán



Trần Đức Nhất  
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	92.169.202.691	117.021.306.266
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		92.169.202.691	117.021.306.266
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	113.016.233.980	129.785.373.649
5. (Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(20.847.031.289)	(12.764.067.383)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	238.680.204	137.381.245
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	23	12.565.232.153	15.500.922.942
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.564.662.756	14.764.385.627
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.413.471.377	11.081.862.717
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-24-25}	30		(41.587.054.615)	(39.209.471.797)
11. Thu nhập khác	31		7.751.852.138	2.935.423.750
12. Chi phí khác	32		1.502.071.870	925.032.503
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	6.249.780.268	2.010.391.247
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(35.337.274.347)	(37.199.080.550)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(35.337.274.347)	(37.199.080.550)
16.1. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số	61		42.515.736	(861.694.260)
16.2. (Lỗ) sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(35.379.790.083)	(36.337.386.290)
17. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(8.845)	(9.084)

Đoàn Thị Minh Nga  
 Người lập biểu

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Hữu Long  
 Phụ trách Kế toán




Trần Đức Nhất  
 Giám đốc


Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(35.337.274.347)	(37.199.080.550)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.686.745.895	5.870.821.225
- Các khoản dự phòng	03	1.677.110.324	2.071.687.277
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.481.654.238)	(2.074.607.003)
- Chi phí lãi vay	06	12.564.662.756	14.764.385.627
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(18.890.409.610)	(16.566.793.424)
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(7.753.969.236)	19.411.812.760
- Thay đổi hàng tồn kho	10	37.433.865.307	4.313.050.708
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.784.203.629)	7.089.356.554
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(2.524.473.966)	(120.748.803)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.121.632.909)	(13.276.069.716)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(205.546.114)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.750.440.814
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(6.640.824.043)</b>	<b>2.395.502.779</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.099.284.046)	(10.695.786.126)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.573.977.269	2.854.090.906
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	255.660.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	238.680.204	135.816.339
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>3.969.033.427</b>	<b>(7.705.878.881)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.567.624.970	96.729.703.940
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.716.063.841)	(90.470.583.082)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(48.446.400)	(3.017.447.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>2.803.114.729</b>	<b>3.241.673.658</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>131.324.113</b>	<b>(2.068.702.444)</b>
Tiền tồn đầu năm	60	2.748.413.432	4.817.115.876
Tiền tồn cuối năm	70	2.879.737.545	2.748.413.432

  
Đoàn Thị Minh Nga  
Người lập biểu

  
Nguyễn Hữu Long  
Phụ trách Kế toán

  
Trần Đức Nhất  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1499/QĐ-BXD ngày 25/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000175 ngày 14/11/2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc được chuyển thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex theo Quyết định số 1994/QĐ/BXD ngày 14/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008056 ngày 02/6/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Từ ngày 15/6/2010, Công ty hoạt động theo số đăng ký doanh nghiệp 0101073692.

Từ ngày 14 tháng 10 năm 2009, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam đã chuyển nhượng hết số cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 12 năm 2011 là 40.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 02 công ty con là Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Sản xuất Vật liệu xây dựng VINA 34 và Công ty TNHH Một thành viên Vinaconex 34.1. Chi tiết như sau:

<b>Công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Sản xuất Vật liệu xây dựng VINA 34	Hà Nội	54,7%	54,7%	Khai thác mỏ và sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty TNHH Một thành viên Vinaconex 34.1	Hà Nội	100,0%	100,0%	Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đầu tư phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, công trình xử lý chất thải và môi trường, công trình cấp thoát nước, công trình đường dây và trạm biến thế đến 110 KV;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh và phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng;
- Khai thác sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng, bao gồm: đá, cát, sỏi, gạch, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, và các loại vật liệu khác;
- Tổ chức kinh doanh các hoạt động dịch vụ sửa chữa, cải tạo, duy tu bảo dưỡng công trình, dịch vụ thể thao, vui chơi, giải trí, ăn uống và các dịch vụ khác;
- Thực hiện các dịch vụ sửa chữa, bảo hành các thiết bị xe máy;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây truyền công nghệ - tự động hóa, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải;
- Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ kho vận;
- Xuất nhập khẩu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Lỗ của Công ty trong năm 2012 khoảng 35,3 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 khoảng 71,7 tỷ đồng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 78 tỷ đồng và luồng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh âm khoảng 6,6 tỷ đồng, Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của mình, Công ty đã có kế hoạch tái cấu trúc vốn thông qua thanh lý một số tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn, chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính dài hạn (là các khoản góp vốn vào các công ty cổ phần). Đồng thời tái cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý để cắt giảm chi phí tiết kiệm chi phí hoạt động. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục nhằm phản ánh đúng giá trị tài sản, công nợ, nguồn vốn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó

#### Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả.

##### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### Tiền

Số dư tiền phản ánh giá trị tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

#### Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty còn tồn tại một số khoản công nợ phải thu đối với các chủ đầu tư là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ("Tổng Công ty") và một số đơn vị thành viên của Tổng Công ty có thời hạn trên hai năm kể từ thời điểm Công ty phát hành hóa đơn hoặc thời điểm thanh toán lần cuối. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, các khoản phải thu này sẽ được thu hồi sau khi các chủ đầu tư thực hiện xong thủ tục thanh quyết toán, nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo quy định, do đó, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc Công ty phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định	2012 (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	6-25
Máy móc và thiết bị	8-12
Phương tiện vận tải	6-10
Tài sản cố định hữu hình khác	5-10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 01 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm lập báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư, thiết bị phục vụ thi công các công trình được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 2 năm.

#### Ghi nhận doanh thu

##### Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### Ghi nhận giá vốn hoạt động xây lắp

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh tương ứng với phần công việc hoàn thành được chủ đầu tư và nhà thầu phê duyệt quyết toán khối lượng và Công ty phát hành hóa đơn hạch toán doanh thu.

##### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có bất kỳ tài sản hoặc nợ thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế tương ứng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	87.410.337	176.336.162
Tiền gửi ngân hàng	2.792.327.208	2.572.077.270
	<u><b>2.879.737.545</b></u>	<u><b>2.748.413.432</b></u>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	11.784.362.398	11.784.362.398
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	9.975.094.466	2.270.115.832
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex - ITC	4.614.433.602	4.855.202.602
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	1.199.812.100	1.199.812.100
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Hòa Lạc	2.950.461.294	3.565.712.794
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	729.956.866	729.956.866
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc 2	1.288.854.876	1.288.854.876
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Bách Chiến	5.194.197.720	-
Các đối tượng khác	5.867.376.520	4.841.808.560
	<u><b>43.604.549.842</b></u>	<u><b>30.535.826.028</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.320.654.952	9.934.780.211
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	89.529.440.766	127.127.834.558
Thành phẩm	9.220.072.004	441.418.260
<b>Cộng</b>	<b><u>100.070.167.722</u></b>	<b><u>137.504.033.029</u></b>

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang phản ánh chi phí thi công các công trình/dự án chưa được bàn giao cho các chủ đầu tư, trong đó, một số công trình/dự án có số dư lớn như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công trình Đường Láng	29.443.219.888	53.551.622.295
Công trình Cầu Giẽ - Ninh Bình	11.568.189.073	18.046.905.438
Công trình Quốc lộ 21-1	912.845.168	20.985.922.020
Bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên	2.534.985.363	5.068.522.959
Đường Hà Nội- Lào Cai	11.583.614.792	8.758.930.982
Công trình quốc lộ 3 Thái Nguyên	4.939.136.040	9.848.411.083

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Nhà cửa và vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tài sản khác</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	19.342.140.531	65.800.165.412	3.938.623.523	232.876.908	89.313.806.374
Tăng do mua sắm	-	780.318.956	2.122.979.636	195.985.454	3.099.284.046
Thanh lý, nhượng bán	(80.185.484)	(9.150.489.498)	(1.624.432.841)	-	(10.855.107.823)
Tại ngày 31/12/2012	<u>19.261.955.047</u>	<u>57.429.994.870</u>	<u>4.437.170.318</u>	<u>428.862.362</u>	<u>81.557.982.597</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	3.288.927.059	22.215.350.737	1.759.322.603	60.104.379	27.323.704.778
Khấu hao trong năm	1.274.050.214	5.899.926.761	451.810.648	60.958.272	7.686.745.895
Thanh lý, nhượng bán	(65.698.207)	(8.981.032.953)	(768.965.428)	-	(9.815.696.588)
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.497.279.066</u>	<u>19.134.244.545</u>	<u>1.442.167.823</u>	<u>121.062.651</u>	<u>25.194.754.085</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<u>14.764.675.981</u>	<u>38.295.750.325</u>	<u>2.995.002.495</u>	<u>307.799.711</u>	<u>56.363.228.512</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>16.053.213.472</u>	<u>43.584.814.675</u>	<u>2.179.300.920</u>	<u>172.772.529</u>	<u>61.990.101.596</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị 161.731.505 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 15.321.430.793 đồng).

Công ty đã thế chấp văn phòng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản cố định hữu hình khác với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 40.154.599.005 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 15).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012		31/12/2011	
	Cổ phần	VND	Cổ phần	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình ngầm	-	-	40.150	401.500.000
Công ty Cổ phần Khai thác đá Yên Bình	17.500	175.000.000	17.500	175.000.000
		<b>175.000.000</b>		<b>576.500.000</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>175.000.000</b>		<b>466.592.000</b>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm</i>		-		291.592.000
<i>Công ty Cổ phần Khai thác đá Yên Bình</i>		175.000.000		175.000.000

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	34.920.107.701	28.938.846.171
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	15.557.213.049	13.979.313.890
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	-	6.021.058.203
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	2.083.083.500	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	7.000.000.000	7.000.000.000
Vay các đối tượng cá nhân khác	355.000.000	426.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	5.752.307.757	3.311.635.000
	<b>70.667.712.007</b>	<b>64.676.853.264</b>

Công ty đã thế chấp văn phòng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản cố định hữu hình khác để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (xem Thuyết minh số 8).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số dư nợ các khoản vay đã quá hạn là 50.760.892.503 đồng.

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	8.062.638.600	11.277.696.300
Công ty TNHH Dầu nhờn Caltex	4.754.527.068	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ 234	1.911.479.621	1.911.479.621
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Hoàng Hà	1.450.985.364	2.620.985.364
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hoàng Hà	1.407.913.231	1.455.219.281
Công ty TNHH Xuân Hùng	1.236.204.990	2.522.319.790
Các đối tượng khác	35.936.725.214	43.656.988.256
	<b>54.760.474.088</b>	<b>63.444.688.612</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	47.637.107.471	29.712.698.482
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	223.958.765	223.958.765
Ban Quản lý Dự án Đường Láng - Hòa Lạc	24.040.506.877	37.496.737.931
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	6.138.057.070	6.138.057.070
Công ty Cổ phần VIMECO	1.502.106.978	1.844.354.331
Các đối tượng khác	2.049.319.511	5.119.994.490
	<u><b>81.591.056.672</b></u>	<u><b>80.535.801.069</b></u>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	406.583.686	406.583.686
Thuế thu nhập cá nhân	364.879.784	188.068.778
Thuế tài nguyên	31.612.350	36.892.350
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	102.309.900	22.174.900
	<u><b>905.385.720</b></u>	<u><b>653.719.714</b></u>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	800.000.000	800.000.000
Phải trả cổ tức	973.166.402	1.021.612.802
Lãi vay dự trả	10.186.131.714	1.743.101.867
Bảo hiểm bắt buộc	971.180.761	1.388.204.767
Phải trả, phải nộp khác	1.109.004.381	694.428.899
	<u><b>14.039.483.258</b></u>	<u><b>5.647.348.335</b></u>

**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (i)	1.812.500.000	2.267.154.857
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	7.619.638.344	7.789.950.587
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi	100.000.000	300.000.000
	<u><b>9.532.138.344</b></u>	<u><b>10.357.105.444</b></u>
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 10)	<u>5.752.307.757</u>	<u>3.311.635.000</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>3.779.830.587</b></u>	<u><b>7.045.470.444</b></u>

**Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:**

- (i) Ngày 31/5/2005 và ngày 03/6/2009, Công ty đã các ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây với số tiền vay lần lượt là 7,5 tỷ đồng và 3,9 tỷ đồng. Các khoản vay được Công ty sử dụng vào mục đích đầu tư mua mới văn phòng làm việc, giao dịch, cho thuê và đầu tư xe máy, thiết bị phát triển năng lực sản xuất của Công ty. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay này. Các khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ theo từng thời kỳ. Tại ngày 31/12/2012, số dư của các khoản vay này là 1.812.500.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(ii) Ngày 05/10/2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 49.10.072.737066.TD.DN với Ngân hàng TMCP Quân đội với số tiền vay tối đa 10 tỷ đồng. Khoản vay được Công ty sử dụng vào mục đích tài trợ đầu tư thiết bị thực hiện dự án đầu tư dây chuyền nghiền sàng đá công suất 250 tấn/h nhằm nâng cao năng lực sản xuất đá tại Mỏ đá Gò Chói, xã Đông Xuân, Tiến Xuân, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ theo từng thời kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư của khoản vay này là 7.619.638.344 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.752.307.757	3.311.635.000
Trong năm thứ hai	2.005.060.000	2.962.154.857
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	<u>1.774.770.587</u>	<u>4.083.315.587</u>
	<b>9.532.138.344</b>	<b>10.357.105.444</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	5.752.307.757	3.311.635.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>3.779.830.587</b></u>	<u><b>7.045.470.444</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX**Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân  
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	40.000.000.000	1.405.920.000	2.172.666.949	507.469.505	3.389.440.898	47.475.497.352
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(36.337.386.290)	(36.337.386.290)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	94.720.449	9.472.045	(104.192.494)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(85.248.404)	(85.248.404)
Số dư tại ngày 01/01/2012	40.000.000.000	1.405.920.000	2.267.387.398	516.941.550	(36.337.386.290)	7.852.862.658
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(35.379.790.083)	(35.379.790.083)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.254.296)	(1.254.296)
Số dư tại ngày 31/12/2012	40.000.000.000	1.405.920.000	2.267.387.398	516.941.550	(71.718.430.669)	(27.528.181.721)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101073692 thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn điều lệ			Vốn thực góp đến ngày 31/12/2012		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex (Vinaconex E&C)	1.980.000	49,5%	19.800.000.000	1.980.000	49,5%	19.800.000.000
Các cổ đông khác	2.020.000	50,5%	20.200.000.000	2.020.000	50,5%	20.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>40.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.000.000	4.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi được phát hành lại.

**17. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con.

Biến động lợi ích của cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	6.800.000.000	627.020	(859.926.180)	5.940.700.840
Lỗi trong năm	-	-	42.515.736	42.515.736
Giảm khác	-	-	(1.040.148)	(1.040.148)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>6.800.000.000</b>	<b>627.020</b>	<b>(818.450.592)</b>	<b>5.982.176.428</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Trong năm, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày như dưới đây.

Trong năm, các công trình của Công ty thi công trên cả nước, không có công trình nào ở ngoài Việt Nam.

**19. DOANH THU**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	82.308.778.592	104.301.224.664
Doanh thu dịch vụ	2.473.862.650	425.887.228
Doanh thu bán vật liệu	6.689.178.733	11.230.604.804
Khác	697.382.716	1.063.589.570
	<b>92.169.202.691</b>	<b>117.021.306.266</b>

**20. GIÁ VỐN**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	96.584.847.147	115.223.639.672
Giá vốn dịch vụ	1.769.013.678	416.936.365
Giá vốn bán vật liệu	14.373.711.762	12.758.296.436
Khác	288.661.393	1.386.501.176
	<b>113.016.233.980</b>	<b>129.785.373.649</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.655.882.635	94.090.015.267
Chi phí nhân công	12.098.068.648	19.280.772.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.686.745.895	5.870.821.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.556.197.596	38.007.182.821
Chi phí khác	2.934.243.639	8.156.335.552
	<b>83.931.138.413</b>	<b>165.405.127.505</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	51.272.204	134.493.037
Cổ tức	41.656.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	145.752.000	2.888.208
	<b>238.680.204</b>	<b>137.381.245</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.564.662.756	14.764.385.627
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	354.178.746
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	291.592.000
Chi phí hoạt động tài chính khác	569.397	90.766.569
	<u>12.565.232.153</u>	<u>15.500.922.942</u>

**24. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản cố định	6.346.704.542	2.854.090.906
Thu nhập khác	1.405.147.596	81.332.844
	<u>7.751.852.138</u>	<u>2.935.423.750</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	1.039.411.235	914.288.273
Chi phí khác	462.660.635	10.744.230
	<u>1.502.071.870</u>	<u>925.032.503</u>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<u>6.249.780.268</u>	<u>2.010.391.247</u>

**25. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(35.379.790.083)	(36.337.386.290)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	4.000.000	4.000.000
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(8.845)	(9.084)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 15 trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	74.447.542.594	71.722.323.708
Trừ: Tiền	2.879.737.545	2.748.413.432
Nợ thuần	71.567.805.049	68.973.910.276
Vốn chủ sở hữu	(27.528.181.721)	7.852.862.658
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0%</b>	<b>878%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	2.879.737.545	2.748.413.432
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.205.300.344	31.705.278.854
Đầu tư dài hạn khác	-	109.908.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.085.037.889</b>	<b>34.563.600.286</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	67.828.776.585	67.747.582.180
Chi phí phải trả	11.610.590.945	14.977.824.728
Các khoản vay	74.447.542.594	71.722.323.708
<b>Tổng cộng</b>	<b>153.886.910.124</b>	<b>154.447.730.616</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ tăng/(giảm) như sau:

	<b>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND</b>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	(1.488.950.852)
VND	-200	1.488.950.852
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	+200	(1.434.446.474)
VND	-200	1.434.446.474

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu quá hạn thanh toán. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu quá hạn thanh toán như trình bày dưới đây:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

<u>Tên đối tượng</u>	<u>Số tiền (VND)</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	729.956.866
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Vinaconex- Alphanam	217.152.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	29.804.000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	75.347.000
Công ty Kinh doanh nhà Đồng Đa	15.534.417
Công ty Xây dựng công trình 56 Bộ Quốc Phòng	34.917.481
Công ty TNHH Giang Hà	46.923.250
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2	644.427.438
Công ty TNHH Hùng Vương	87.184.400
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	468.157.150
Phải thu cán bộ công nhân viên	1.449.845.496
	<u><u>3.799.249.498</u></u>

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tiền	2.879.737.545	-	2.879.737.545
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.205.300.344	-	43.205.300.344
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<u>46.085.037.889</u>	<u>-</u>	<u>46.085.037.889</u>
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	67.828.776.585	-	67.828.776.585
Chi phí phải trả	11.610.590.945	-	11.610.590.945
Các khoản vay	70.667.712.007	3.779.830.587	74.447.542.594
<b>Tổng cộng</b>	<u>150.107.079.537</u>	<u>3.779.830.587</u>	<u>153.886.910.124</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>(104.022.041.648)</u>	<u>(3.779.830.587)</u>	<u>(107.801.872.235)</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	2.748.413.432	-	2.748.413.432
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.705.278.854	-	31.705.278.854
Đầu tư dài hạn khác	-	109.908.000	109.908.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.453.692.286</b>	<b>109.908.000</b>	<b>34.563.600.286</b>
<b>31/12/2011</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	67.747.582.180	-	67.747.582.180
Chi phí phải trả	14.977.824.728	-	14.977.824.728
Các khoản vay	64.676.853.264	7.045.470.444	71.722.323.708
<b>Tổng cộng</b>	<b>147.402.260.172</b>	<b>7.045.470.444</b>	<b>154.447.730.616</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(112.948.567.886)</b>	<b>(6.935.562.444)</b>	<b>(119.884.130.330)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức rất cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng với các kế hoạch trình bày tại Thuyết minh số 2, Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	60.311.885.637	73.047.447.154
Ban Quản lý Dự án Đường Láng - Hòa Lạc	13.411.756.180	6.252.851.924
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Hòa Lạc	-	1.080.230.786
Ban Điều hành Dự án Bắc An Khánh giai đoạn 2	445.310.862	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	101.447.273
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex - ITC	-	6.636.686.461
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	-	7.688.585.454
Công ty Cổ phần Vimeco	4.729.939.601	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	477.002.877	-
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	6.487.281.286	6.691.569.518
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	-	1.481.241.082
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex - ITC	218.880.909	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	92.822.494	-
Công ty Cổ phần Vimeco	258.899.545	-
<b>Khoản vay đã nhận</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	-	7.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	-	1.584.000.000
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc:</b>		
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Tổng thu nhập	866.885.632	1.251.292.454

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	11.784.362.398	11.784.362.398
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	9.975.094.466	2.270.115.832
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex - ITC	4.614.433.602	4.855.202.602
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	1.199.812.100	1.199.812.100
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Hòa Lạc	2.950.461.294	3.565.712.794
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	729.956.866	729.956.866
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex - Alphanam	217.152.000	217.152.000
Ban Điều hành Dự án Xây dựng Hồ chứa nước Cửa Đạt	881.532.789	881.532.789
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	716.551.659	191.848.494
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	2.921.565.727	515.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	526.081.350	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	835.366.032	1.205.378.032
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giao thông Vinaconex 39	806.158.679	806.158.679
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	800.000.000	800.000.000
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	47.637.107.471	29.712.698.482
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	223.958.765	223.958.765
Ban Quản lý Dự án Đường Láng - Hòa Lạc	24.040.506.877	37.496.737.931
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	6.138.057.070	6.138.057.070
Công ty Cổ phần VIMECO	1.502.106.978	1.844.354.331
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	-	6.021.058.203

**28. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

- Ngày 07 tháng 01 năm 2013, cổ đông chính của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex ("Vinaconex E&C") đã có công văn số 010EC/CV-KH thông báo giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ. Theo đó, Vinaconex E&C đăng ký bán 1.980.000 cổ phiếu của Công ty (trung đương 49,5% vốn điều lệ) với giao dịch thỏa thuận trực tiếp qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).
- Ngày 18 tháng 3 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành kiểm phiếu xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá Gò Chói và Dây chuyền nghiền sàng đá có công suất 250 tấn/h tại mỏ đá Gò Chói kèm theo trách nhiệm thanh toán khoản nợ của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội, trách nhiệm thanh toán các khoản nợ còn lại cũng như đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan đến tài sản chuyển nhượng. Do tỷ lệ biểu quyết tán thành không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Khoản 5, Điều 104, Luật Doanh nghiệp (tối thiểu phải được số cổ đông đại diện cho 75% tổng số phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận), nên nội dung xin ý kiến cổ đông nêu trên không được chấp nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán.



Đoàn Thị Minh Nga  
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Long  
Phụ trách Kế toán



Trần Đức Nhất  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2013